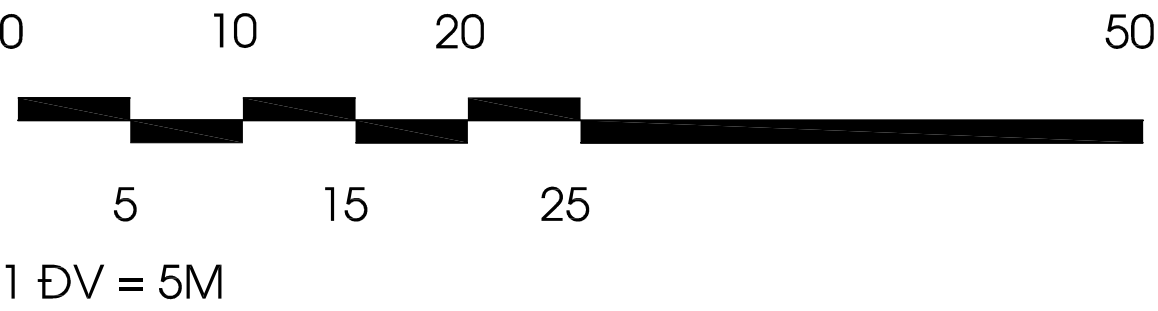
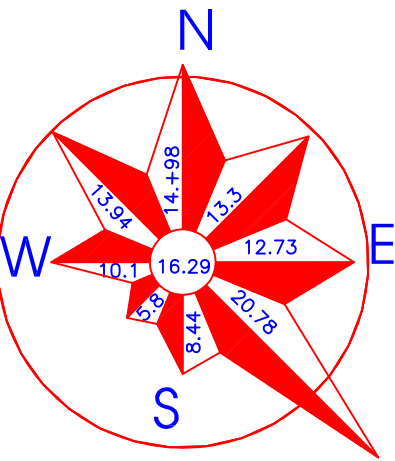


BẢNG TỌA ĐỘ MỐC GIỚI

KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH

| ĐIỂM | TỌA ĐỘ (Y)   | TỌA ĐỘ (X)  |
|------|--------------|-------------|
| M1   | 2230756.1761 | 523504.2610 |
| M2   | 2230757.0982 | 523518.7169 |
| M3   | 2230759.8296 | 523541.6898 |
| M4   | 2230724.6180 | 523532.1000 |
| M5   | 2230718.0190 | 523521.4350 |
| M6   | 2230698.6660 | 523509.6730 |
| M7   | 2230689.0500 | 523502.1900 |
| M8   | 2230692.3000 | 523493.6600 |
| M9   | 2230696.9800 | 523490.7500 |
| M10  | 2230709.4400 | 523485.1800 |
| M11  | 2230712.4050 | 523479.3850 |
| M12  | 2230721.7720 | 523492.3540 |
| M13  | 2230736.5370 | 523497.7850 |
| M14  | 2230737.7310 | 523498.8380 |
| M15  | 2230741.6920 | 523499.6000 |

| Bảng tổng hợp các chỉ tiêu đạt được của đồ án |                              |                                                               |                                 |         |
|-----------------------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------|
| Stt                                           | Hang mục                     | Chỉ tiêu theo thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 (%) | Chỉ tiêu đạt được của đồ án (%) | Ghi chú |
| 1                                             | Mật độ xây dựng              | ≤ 40                                                          | 39,7                            | Đạt     |
| 2                                             | Diện tích sân vườn, cây xanh | ≥ 40                                                          | 40,2                            | Đạt     |
| 3                                             | Diện tích giao thông nội bộ  | ≥ 20                                                          | 20,1                            | Đạt     |



CƠ QUAN CHẤP THUẬN:

UBND XÃ QUÝ LƯƠNG

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: /QĐ-UBND NGÀY / /2026

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:

PHÒNG KINH TẾ XÃ QUÝ LƯƠNG

KÈM THEO VĂN BẢN SỐ: /TĐ-KT NGÀY / /2026

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:

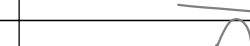
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUÝ LƯƠNG

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: /TTR- NGÀY / /2026

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

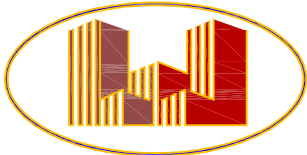
QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 TRƯỜNG MẦM NON LƯƠNG NỘI, XÃ QUÝ LƯƠNG, TỈNH THANH HOÁ

TÊN BẢN VẼ:

|               |                 |              |                                                                                       |
|---------------|-----------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| BẢN VẼ:       | GHÉP: A1        | TỶ LỆ: 1/500 | THÁNG: /2026                                                                          |
| THIẾT KẾ      | LÊ TRỌNG DŨNG   |              |  |
| CHỦ TRÌ       |                 |              |                                                                                       |
| CHỦ NHIỆM     | LÊ TRỌNG DŨNG   |              |  |
| Q.L. KỸ THUẬT | TRÌNH HOÀNG HUY |              |  |

GIÁM ĐỐC

KS ĐÌNH VĂN TUẤN



ĐƠN VỊ TƯ VẤN:  
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG THIỆN NHÂN  
ĐC: THÔN ĐÌNH TRUNG - XÃ HOẠT GIANG - TỈNH THANH HÓA  
SĐT: 0944.935.369

GHI CHÚ :

01

- NHÀ LỚP HỌC + ĐA NĂNG

02

- NHÀ LỚP HỌC

03

- NHÀ BẾP + ĂN

04

- NHÀ HIỆU BỘ

05

- NHÀ BẢO VỆ

06

- NHÀ ĐỂ XE

07

- NHÀ VỆ SINH

08

- BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

09

- TRẠM BƠM + BỂ PCCC

10

- VƯỜN CỔ TÍCH

11

- SÂN CHƠI RIÊNG

C

- CỔNG

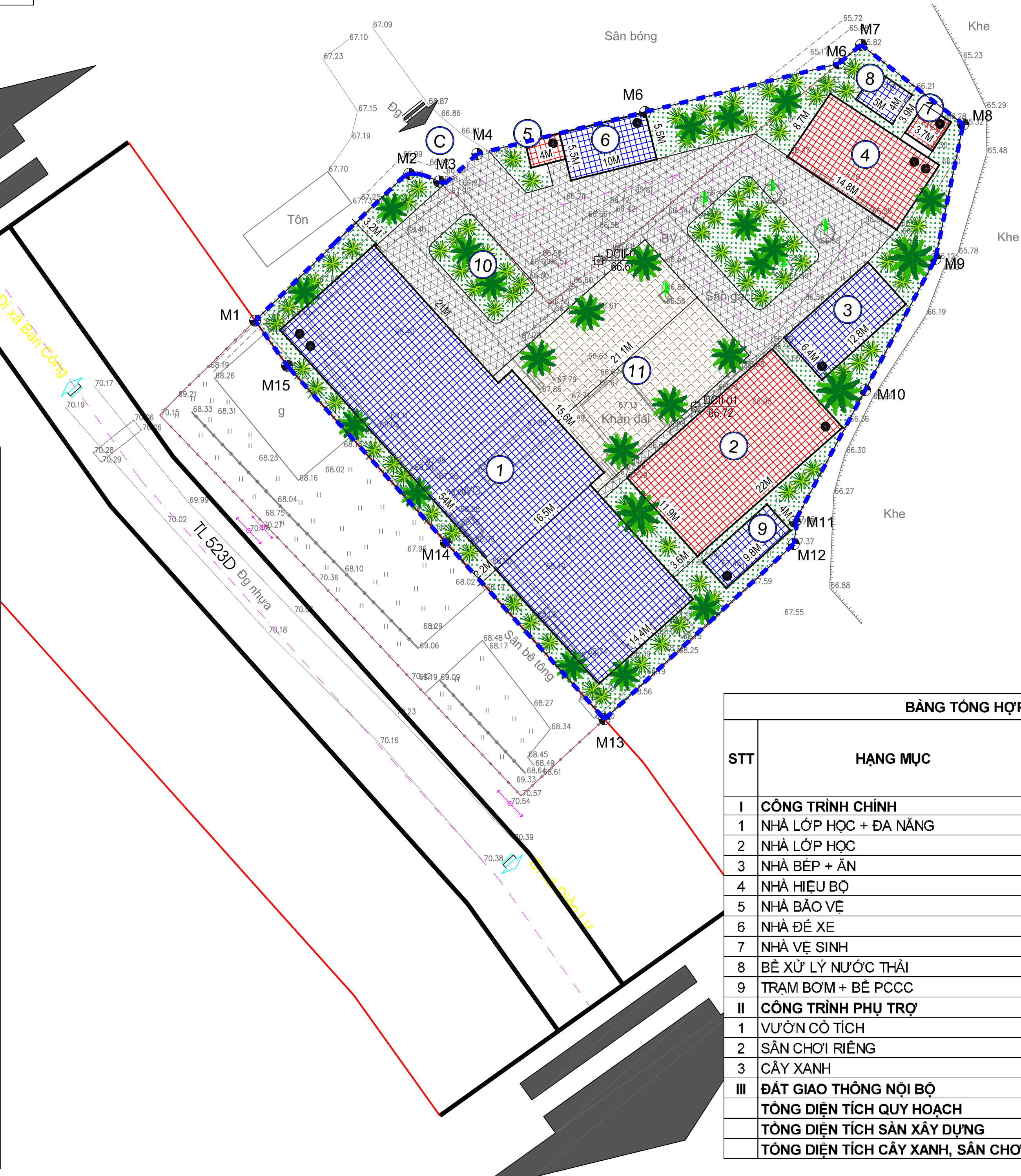
- CÔNG TRÌNH HIỆN TRẠNG

- CÔNG TRÌNH XÂY MỚI

- CÂY XANH

- SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ

- ĐƯỜNG GIAO THÔNG

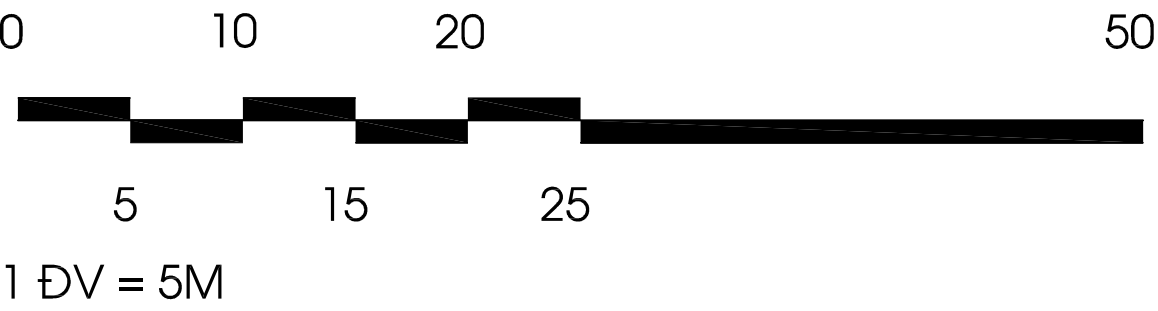
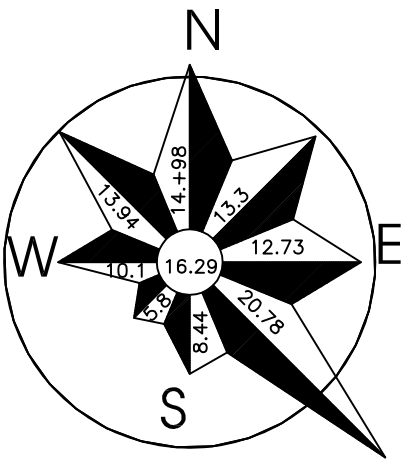


| BẢNG TỔNG HỢP CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH |                                   |         |                 |                   |                       |                     |           |
|---------------------------------------|-----------------------------------|---------|-----------------|-------------------|-----------------------|---------------------|-----------|
| STT                                   | HẠNG MỤC                          | KÝ HIỆU | TẦNG CAO (tầng) | DIỆN TÍCH XD (m2) | DIỆN TÍCH SÂN XD (m2) | MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%) | TỶ LỆ (%) |
| I                                     | CÔNG TRÌNH CHÍNH                  |         |                 | 1.348,2           |                       |                     | 39,7      |
| 1                                     | NHÀ LỚP HỌC + ĐA NĂNG             | 1       | 2               | 806,8             | 1.613,6               |                     | 23,8      |
| 2                                     | NHÀ LỚP HỌC                       | 2       | 1               | 262,4             | 262,4                 |                     | 7,7       |
| 3                                     | NHÀ BẾP + ĂN                      | 3       | 1               | 70,0              | 70,0                  |                     | 2,1       |
| 4                                     | NHÀ HIỆU BỘ                       | 4       | 2               | 125,0             | 250,0                 |                     | 3,7       |
| 5                                     | NHÀ BẢO VỆ                        | 5       | 1               | 12,0              | 12,0                  |                     | 0,4       |
| 6                                     | NHÀ ĐỂ XE                         | 6       | 1               | 55,0              | -                     |                     | 1,6       |
| 7                                     | NHÀ VỆ SINH                       | 7       | 1               | 14,4              | 14,4                  |                     | 0,4       |
| 8                                     | BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI                | 8       | -               | 20,0              | -                     |                     | 0,6       |
| 9                                     | TRẠM BƠM + BỂ PCCC                | 9       | 1               | 39,2              | -                     |                     | 1,2       |
| II                                    | CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ                |         |                 | 1.363,6           |                       |                     | 40,2      |
| 1                                     | VƯỜN CỔ TÍCH                      | 10      | -               | 77,0              | -                     |                     | 2,3       |
| 2                                     | SÂN CHƠI RIÊNG                    | 11      | -               | 376,6             | -                     |                     | 11,1      |
| 3                                     | CÂY XANH                          | -       | -               | 910,0             | -                     |                     | 26,8      |
| III                                   | ĐẤT GIAO THÔNG NỘI BỘ             | -       | -               | 681,9             | -                     |                     | 20,1      |
|                                       | TỔNG DIỆN TÍCH QUY HOẠCH          |         |                 | 3.393,7           |                       | 39,7                | 0,7       |
|                                       | TỔNG DIỆN TÍCH SÂN XÂY DỰNG       |         |                 |                   | 2.222,4               |                     | 100,0     |
|                                       | TỔNG DIỆN TÍCH CÂY XANH, SÂN CHƠI |         |                 | 1.363,6           |                       |                     | 40,2      |

BẢNG TỌA ĐỘ MỐC GIỚI  
KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH

| ĐIỂM | TỌA ĐỘ (Y)   | TỌA ĐỘ (X)  |
|------|--------------|-------------|
| M1   | 2230756.1761 | 523504.2610 |
| M2   | 2230757.0982 | 523518.7169 |
| M3   | 2230759.8296 | 523541.6898 |
| M4   | 2230724.6180 | 523532.1000 |
| M5   | 2230718.0190 | 523521.4350 |
| M6   | 2230698.6660 | 523509.6730 |
| M7   | 2230689.0500 | 523502.1900 |
| M8   | 2230692.3000 | 523493.6600 |
| M9   | 2230696.9800 | 523490.7500 |
| M10  | 2230709.4400 | 523485.1800 |
| M11  | 2230712.4050 | 523479.3850 |
| M12  | 2230721.7720 | 523492.3540 |
| M13  | 2230736.5370 | 523497.7850 |
| M14  | 2230737.7310 | 523498.8380 |
| M15  | 2230741.6920 | 523499.6000 |

| Bảng tổng hợp các chỉ tiêu đạt được của đồ án |                              |                                                               |                                 |         |
|-----------------------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------|
| Stt                                           | Hang mục                     | Chỉ tiêu theo thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 (%) | Chỉ tiêu đạt được của đồ án (%) | Ghi chú |
| 1                                             | Mật độ xây dựng              | ≤ 40                                                          | 39,7                            | Đạt     |
| 2                                             | Diện tích sân vườn, cây xanh | ≥ 40                                                          | 40,2                            | Đạt     |
| 3                                             | Diện tích giao thông nội bộ  | ≥ 20                                                          | 20,1                            | Đạt     |



**GHI CHÚ :**

--- RANH GIỚI TRƯỜNG QUY HOẠCH

— RANH GIỚI TRƯỜNG HIỆN TRẠNG

① - NHÀ LỚP HỌC + ĐA NĂNG

② - NHÀ LỚP HỌC

③ - NHÀ BẾP + ĂN

④ - NHÀ HIỆU BỘ

⑤ - NHÀ BẢO VỆ

⑥ - NHÀ ĐỂ XE

⑦ - NHÀ VỆ SINH

⑧ - BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

⑨ - TRẠM BƠM + BỂ PCCC

⑩ - VƯỜN CỔ TÍCH

⑪ - SÂN CHƠI RIÊNG

Ⓒ - CỔNG

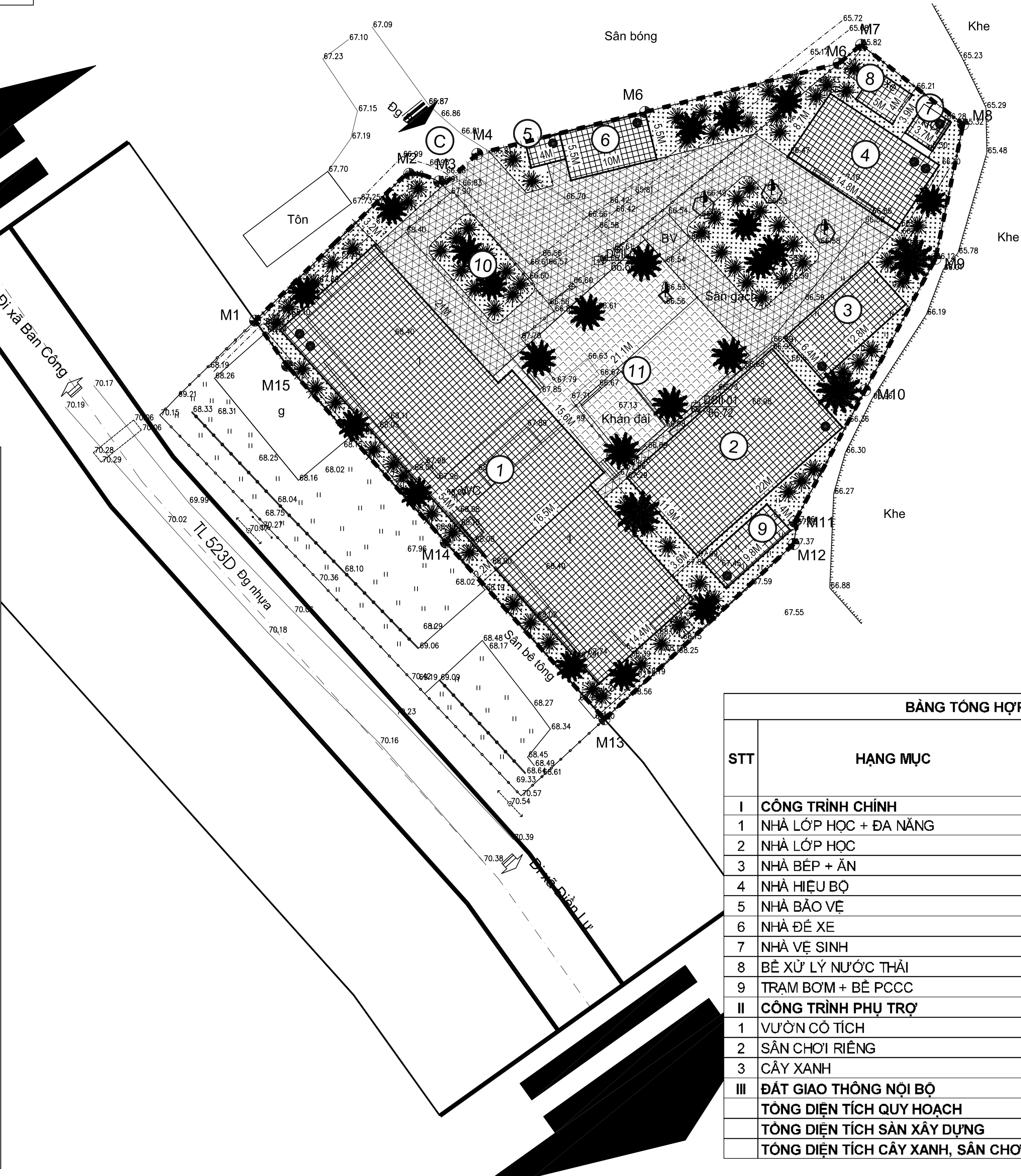
▨ - CÔNG TRÌNH HIỆN TRẠNG

▨ - CÔNG TRÌNH XÂY MỚI

▨ - CÂY XANH

▨ - SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ

▨ - ĐƯỜNG GIAO THÔNG



| BẢNG TỔNG HỢP CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH |                                   |         |                 |                   |                       |                     |           |
|---------------------------------------|-----------------------------------|---------|-----------------|-------------------|-----------------------|---------------------|-----------|
| STT                                   | HẠNG MỤC                          | KÝ HIỆU | TẦNG CAO (tầng) | DIỆN TÍCH XD (m2) | DIỆN TÍCH SÂN XD (m2) | MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%) | TỶ LỆ (%) |
| I                                     | CÔNG TRÌNH CHÍNH                  |         |                 | 1.348,2           |                       |                     | 39,7      |
| 1                                     | NHÀ LỚP HỌC + ĐA NĂNG             | 1       | 2               | 806,8             | 1.613,6               |                     | 23,8      |
| 2                                     | NHÀ LỚP HỌC                       | 2       | 1               | 262,4             | 262,4                 |                     | 7,7       |
| 3                                     | NHÀ BẾP + ĂN                      | 3       | 1               | 70,0              | 70,0                  |                     | 2,1       |
| 4                                     | NHÀ HIỆU BỘ                       | 4       | 2               | 125,0             | 250,0                 |                     | 3,7       |
| 5                                     | NHÀ BẢO VỆ                        | 5       | 1               | 12,0              | 12,0                  |                     | 0,4       |
| 6                                     | NHÀ ĐỂ XE                         | 6       | 1               | 55,0              | -                     |                     | 1,6       |
| 7                                     | NHÀ VỆ SINH                       | 7       | 1               | 14,4              | 14,4                  |                     | 0,4       |
| 8                                     | BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI                | 8       | -               | 20,0              | -                     |                     | 0,6       |
| 9                                     | TRẠM BƠM + BỂ PCCC                | 9       | 1               | 39,2              | -                     |                     | 1,2       |
| II                                    | CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ                |         |                 | 1.363,6           |                       |                     | 40,2      |
| 1                                     | VƯỜN CỔ TÍCH                      | 10      | -               | 77,0              | -                     |                     | 2,3       |
| 2                                     | SÂN CHƠI RIÊNG                    | 11      | -               | 376,6             | -                     |                     | 11,1      |
| 3                                     | CÂY XANH                          | -       | -               | 910,0             | -                     |                     | 26,8      |
| III                                   | ĐẤT GIAO THÔNG NỘI BỘ             | -       | -               | 681,9             | -                     |                     | 20,1      |
|                                       | TỔNG DIỆN TÍCH QUY HOẠCH          |         |                 | 3.393,7           |                       | 39,7                | 0,7       |
|                                       | TỔNG DIỆN TÍCH SÂN XÂY DỰNG       |         |                 |                   | 2.222,4               |                     | 100,0     |
|                                       | TỔNG DIỆN TÍCH CÂY XANH, SÂN CHƠI |         |                 | 1.363,6           |                       |                     | 40,2      |

CƠ QUAN CHẤP THUẬN:

UBND XÃ QUÝ LƯƠNG

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: /QĐ-UBND NGÀY / /2026

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:

PHÒNG KINH TẾ XÃ QUÝ LƯƠNG

KÈM THEO VĂN BẢN SỐ: /TĐ-KT NGÀY / /2026

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ:

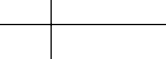
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUÝ LƯƠNG

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: /TTR- NGÀY / /2026

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

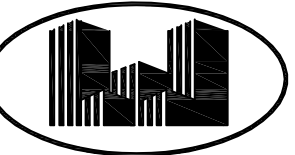
QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 TRƯỜNG  
MẦM NON LƯƠNG NỘI, XÃ QUÝ LƯƠNG, TỈNH THANH HOÁ

TÊN BẢN VẼ:

|               |                 |              |                                                                                       |
|---------------|-----------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| BẢN VẼ:       | GHÉP: A1        | TỶ LỆ: 1/500 | THÁNG: /2026                                                                          |
| THIẾT KẾ      | LÊ TRỌNG DŨNG   |              |  |
| CHỦ TRÌ       |                 |              |                                                                                       |
| CHỦ NHIỆM     | LÊ TRỌNG DŨNG   |              |  |
| Q.L. KỸ THUẬT | TRÌNH HOÀNG HUY |              |  |

GIÁM ĐỐC

KS ĐÌNH VĂN TUẤN



ĐƠN VỊ TƯ VẤN:  
**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG THIỆN NHÂN**  
ĐC: THÔN ĐÌNH TRUNG - XÃ HOẠT GIANG - TỈNH THANH HÓA  
SĐT: 0944.935.369